

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ HÀNH TRÌNH GIỮ GÌN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TÀY TẠI BÌNH GIA, LẠNG SƠN

NGUYỄN VŨ HOÀNG*

Tóm tắt: Bài viết khám phá tác động đa chiều của các chính sách giáo dục quốc gia đối với học sinh dân tộc Tày tại xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, trong giai đoạn 2020-2025. Dựa trên khung lý thuyết nhân học về giáo dục và vốn văn hóa, cùng với các phân tích từ Johnathan London, Trương Huyền Chi và Đỗ Thị Ngọc Quyên, nghiên cứu chỉ ra rằng các chính sách như miễn giảm học phí, ưu tiên tuyển sinh và việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục và trình độ dân trí cho cộng đồng Tày. Tuy nhiên, bài viết cũng làm rõ những thách thức tồn tại, đặc biệt là rào cản ngôn ngữ, chất lượng giáo dục chưa đồng đều, tình trạng bỏ học và nguy cơ mai một bản sắc văn hóa do việc lồng ghép văn hóa truyền thống vào chương trình giảng dạy còn hạn chế. Qua các minh họa từ những câu chuyện của giáo viên và học sinh người Tày, nghiên cứu kiến nghị những giải pháp toàn diện nhằm xây dựng một nền giáo dục không chỉ trang bị kiến thức mà còn vun đắp và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Tày một cách bền vững.

Từ khóa: chính sách giáo dục, bản sắc văn hóa, dân tộc Tày, Lạng Sơn.

Abstract: This article explores the multi-faceted impacts of national education policies on Tay ethnic minority students in Binh Gia commune, Lang Son province, during the 2020-2025 period. Drawing upon anthropological theories of education and cultural capital, along with analyses from Johnathan London, Truong Huyen Chi, and Do Thi Ngoc Quyen, the study indicates that policies such as tuition fee exemptions and reductions, preferential admissions, and the implementation of the 2018 General Education Program have significantly contributed to improving educational access and the general intellectual level of the Tay community. However, the article also clarifies existing challenges, particularly language barriers, uneven educational quality, school dropout rates, and the risk of cultural erosion due to the limited integration of traditional culture into the curriculum. Through illustrations from statements by Tay teachers and students, the study proposes comprehensive solutions aimed at building an education system that not only equips knowledge but also fosters and promotes the Tay ethnic minority's cultural identity sustainably.

Keywords: educational policy, cultural identity, Tay people, Lang Son province.

1. Bình Gia - nơi bản sắc Tày hòa quyện cùng dòng chảy giáo dục quốc gia trong lăng kính nhân học

Xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn là mảnh đất đặc trưng của cộng đồng người Tày. Với những nếp nhà sàn truyền thống, làn điệu then, lượn êm ả, cùng các lễ hội, phong tục tập quán độc đáo, văn hóa Tày đã ăn sâu vào đời sống thường nhật của người dân nơi đây. Trong bối cảnh đó, hệ thống giáo dục quốc gia được triển khai tại Bình Gia không chỉ cung cấp kiến thức giáo dục phổ thông mà còn đứng trước nhiệm vụ quan trọng là làm thế nào để giáo dục góp phần

nâng cao trình độ dân trí mà không làm mai một đi những giá trị văn hóa quý báu của tộc người. Từ sau Đổi mới, chất lượng giáo dục có chuyên biến tích cực, góp phần nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số trong vùng (1).

Việc tiếp cận giáo dục của học sinh Tày tại Bình Gia không chỉ chịu ảnh hưởng từ các chính sách vĩ mô mà còn từ chính vốn văn hóa gia đình và cộng đồng. Mối tương quan giữa chính sách, trường học và môi trường văn hóa bản địa được xem xét kỹ lưỡng để đánh giá tác động đa chiều.

Nhìn từ góc độ nhân học, như Johnathan London đã phân tích, các chính sách giáo dục cho dân tộc thiểu số ở Việt Nam thường song hành với những mục tiêu phát triển quốc gia, nhưng cũng tiềm ẩn những căng thẳng trong việc dung hòa giữa hội nhập và duy trì bản sắc. London chỉ ra rằng, giáo dục không chỉ truyền tải kiến thức mà còn là công cụ định hình các giá trị và còn tồn tại nhiều khoảng trống trong chính sách giáo dục ở vùng các dân tộc thiểu số gắn với hệ giá trị truyền thống của cộng đồng.

2. Tổng quan chính sách giáo dục Việt Nam giai đoạn 2020-2025 và việc triển khai tại Bình Gia

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và yêu cầu phát triển bền vững, giáo dục Việt Nam đã và đang trải qua nhiều đổi mới mạnh mẽ trong khoảng 4-5 năm gần đây (giai đoạn 2020-2025). Các chính sách này không chỉ tiếp nối các chủ trương trước đó mà còn có những điểm nhấn mới, đặc biệt hướng tới các vùng dân tộc thiểu số và miền núi, bao gồm:

Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 (theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26-12-2018 Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông) và việc triển khai sách giáo khoa mới: đây là thay đổi lớn nhất, chuyển từ nặng về kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất người học. Đối với học sinh dân tộc thiểu số, chương trình mới chú trọng hơn đến việc lồng ghép nội dung giáo dục địa phương, tạo điều kiện để đưa văn hóa, ngôn ngữ, lịch sử của các dân tộc vào giảng dạy một cách linh hoạt hơn. Việc thay đổi sách giáo khoa cũng mang lại cơ hội cập nhật nội dung, nhưng cũng đặt ra thách thức về nguồn lực và đào tạo giáo viên tại các trường vùng miền núi như Bình Gia.

Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Quyết định này xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp về giáo dục, đào tạo, dạy nghề, trong đó có mục tiêu cụ thể về nâng cao chất lượng giáo dục, giảm tỷ lệ bỏ học, tăng cường đào tạo nghề và bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống. Đây là khuôn khổ pháp lý quan trọng để triển khai các dự án, chương trình giáo dục cho học sinh dân tộc Tày tại Bình Gia.

Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” (Ban hành bởi Quyết định số 1008/QĐ-TTg, ngày 2-6-2016 của Thủ tướng Chính phủ): Đề án này thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ đến việc giải quyết rào cản ngôn ngữ cho học sinh dân tộc thiểu số ngay từ những cấp học đầu tiên. Tại Bình Gia, việc triển khai

các hoạt động tăng cường tiếng Việt (qua trò chơi, kể chuyện, hoạt động trải nghiệm) được kỳ vọng giúp học sinh Tày tự tin hơn khi tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông.

Chính sách ưu tiên, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn: tiếp tục duy trì và có thể tăng cường các chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng cho học sinh dân tộc thiểu số, học sinh bán trú và nội trú. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động, giúp duy trì động lực học tập và giảm thiểu tình trạng bỏ học.

Đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên: vẫn là ưu tiên hàng đầu, với các dự án nâng cấp trường lớp, cung cấp thiết bị dạy học hiện đại và bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên, đặc biệt là về phương pháp dạy học tích cực và hiểu biết văn hóa dân tộc.

Năm 2023, toàn huyện Bình Gia (trước đây) có 55 trường học, trong đó, có 20 trường mầm non, với gần 3.500 trẻ; cấp Tiểu học có 15 trường và trên 3.800 học sinh; 14 trường Trung học cơ sở, với trên 2.700 học sinh và 6 trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS, với trên 1.400 học sinh. Riêng tại Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ ở Bình Gia người đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm 94,6%. Báo cáo của ngành Giáo dục Bình Gia cho biết: “Năm học vừa qua, lãnh đạo, giáo viên, nhân viên và học sinh các nhà trường đã không ngừng nỗ lực, khắc phục khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất, phấn đấu vươn lên trong dạy, học và đạt được những kết quả tích cực trong cả ba cấp học” (2).

Có thể thấy các chính sách này đã phát huy hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng học tập của các học sinh phổ thông. Như Trương Huyền Chi đã nghiên cứu, vấn đề giáo dục song ngữ và việc lồng ghép văn hóa vào chương trình giảng dạy là một giải pháp quan trọng để giải quyết vấn đề rào cản ngôn ngữ và duy trì bản sắc văn hóa cho học sinh dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, việc thực thi chính sách này vẫn còn nhiều khoảng trống, đòi hỏi sự linh hoạt và hiểu biết sâu sắc về đặc thù văn hóa từng dân tộc. Đỗ Thị Ngọc Quyên, một chuyên gia giáo dục về văn hóa các dân tộc thiểu số, cũng nhấn mạnh vai trò của việc giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể, xem đây là yếu tố cốt lõi để duy trì “sức sống” của cộng đồng trong bối cảnh hiện đại hóa. Việc lồng ghép chính sách mới vào bối cảnh chung sẽ giúp đánh giá tác động cụ thể hơn ở Bình Gia.

3. Nâng bước tri thức, gìn giữ bản sắc: những tác động hai mặt từ góc nhìn nhân học

Những dấu ấn tích cực

Mở rộng cánh cửa tri thức và cơ hội hòa nhập: nhờ các chính sách hỗ trợ, tỷ lệ học sinh Tày đến trường ở Bình Gia đã tăng lên đáng kể, giảm thiểu tình trạng mù chữ và nâng cao mặt bằng dân trí. Nhiều học sinh đã vượt khó, đạt được thành tích cao trong học tập, thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, mở ra cơ hội việc làm và phát triển bản thân, trở thành tấm gương sáng cho cộng đồng. Điều này góp phần vào quá trình hòa nhập xã hội rộng lớn hơn mà London đã đề cập, nơi giáo dục trở thành cầu nối giữa văn hóa truyền thống và xã hội hiện đại. “Chúng em mong muốn văn hóa dân tộc không chỉ tồn tại trong sách vở hay xuất hiện trong những dịp lễ trang trọng. Mà hơn hết, văn hóa cần hiện diện trong đời sống thường ngày để ta có thể nghe thấy, chạm vào và cảm nhận”, học sinh Kiều Trang cho biết (3).

Góp phần phát triển văn hóa và xã hội: giáo dục đã trang bị cho học sinh Tày kiến thức khoa học, kỹ năng sống, giúp các em có cái nhìn rộng mở hơn về thế giới. Điều này không chỉ giúp các em phát triển cá nhân mà còn tạo ra những tiền đề quan trọng cho sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Khi có tri thức, các em có thể tìm hiểu sâu hơn về văn hóa truyền thống của mình, đồng thời có đủ năng lực để phát huy, sáng tạo dựa trên nền tảng đó.

Sự thích ứng ban đầu với Chương trình GDPT 2018: mặc dù còn nhiều thách thức, việc triển khai Chương trình GDPT 2018 tại Bình Gia đã bước đầu tạo ra môi trường học tập linh hoạt hơn, khuyến khích học sinh chủ động. Các hoạt động giáo dục địa phương, nếu được triển khai tốt, sẽ là cơ hội để học sinh Tày tìm hiểu sâu sắc hơn về văn hóa của mình.

Vai trò của giáo viên trong việc truyền tải văn hóa: nhiều giáo viên tại Bình Gia, đặc biệt là những người là con em dân tộc Tày, đã và đang nỗ lực lồng ghép các yếu tố văn hóa vào bài giảng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa tìm hiểu về văn hóa Tày, góp phần nuôi dưỡng tình yêu văn hóa cho học sinh. Một cô giáo người Tày tại một trường tiểu học tại Bình Gia tâm sự: “Chúng tôi luôn cố gắng lồng ghép những câu chuyện cổ, làn điệu then của người Tày vào bài giảng, hay tổ chức các buổi giới thiệu trang phục, ẩm thực dân tộc. Thấy các em hào hứng, muốn tìm hiểu về cội nguồn của mình, chúng tôi vui lắm. Đó là cách để các em không quên đi bản sắc của mình dù có học cao đến đâu”. Em Hoàng Anh Thư, lớp 12A6 Trường THPT Dân tộc Nội trú tỉnh Lạng Sơn cho biết: “Mỗi lần học một bài hát then mới, em lại biết thêm nhiều từ vựng và những câu chuyện dân gian gắn liền với đời sống dân tộc mình. Khoảnh khắc chạm tay vào cây đàn

tín, em có cảm giác như đang được kết nối sâu hơn với cội nguồn, được lắng nghe âm thanh của quá khứ vọng về” (4).

Thách thức trên hành trình song hành và những trăn trở từ thực tiễn

Bên cạnh những tác động tích cực, việc triển khai chính sách giáo dục tại Bình Gia vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt trong việc cân bằng giữa sự phát triển và bảo tồn văn hóa, như các nhà nghiên cứu đã chỉ ra:

Rào cản ngôn ngữ và sự pha tạp văn hóa: việc giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Việt đôi khi tạo ra khoảng cách ngôn ngữ cho học sinh Tày, ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu bài học. Trương Huyền Chi đã nhấn mạnh rằng, nếu việc dạy song ngữ không được triển khai hiệu quả và đồng bộ, học sinh dân tộc thiểu số sẽ gặp khó khăn kép: vừa phải học tiếng phổ thông, vừa thiếu môi trường phát triển tiếng mẹ đẻ. Bên cạnh đó, sự giao thoa văn hóa có thể khiến một bộ phận học sinh ít quan tâm đến việc gìn giữ ngôn ngữ, trang phục hay phong tục truyền thống của dân tộc mình, dần dần “bị đồng hóa” về mặt văn hóa, một nỗi lo mà Đỗ Thị Ngọc Quyên nhấn mạnh việc cần phải “xây dựng hệ sinh thái cộng đồng cho người dân tộc thiểu số khai thác nguồn tri thức bản địa, thúc đẩy, tôn vinh văn hóa bản địa, giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên người Kinh trên địa bàn nhằm xóa định kiến cản trở sự hòa nhập của trẻ dân tộc thiểu số” (5). Một phụ huynh khác ở Bình Gia chia sẻ trăn trở: “Con cái đi học về chỉ nói tiếng Kinh thôi, tiếng Tày của mình giờ ít đứa nói sôi lắm. Tôi sợ mai này chúng nó quên hết cả giọng nói, cả phong tục của ông cha mất” (6).

Thách thức từ Chương trình GDPT 2018: Mặc dù đổi mới, nhưng việc thay đổi sách giáo khoa và phương pháp dạy học đòi hỏi nguồn lực lớn về tài chính và đào tạo giáo viên. Tại Bình Gia, việc thiếu hụt giáo viên đủ năng lực để triển khai chương trình mới, đặc biệt là với các môn tích hợp và thiếu thốn về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện đại, vẫn là một rào cản lớn, làm giảm hiệu quả của chính sách.

Chất lượng giáo dục vùng sâu, vùng xa và đội ngũ giáo viên: các trường học, điểm trường ở những thôn vùng sâu, vùng xa vẫn còn thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và đặc biệt là đội ngũ giáo viên vừa có chất lượng cao, lại vừa am hiểu sâu sắc về văn hóa địa phương. Điều này làm giảm hiệu quả của các chính sách và khiến cho khoảng cách giáo dục giữa các vùng miền còn tồn tại.

Tình trạng bỏ học và định hướng nghề nghiệp: áp lực kinh tế gia đình, nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục, hoặc thiếu định hướng nghề

ngiệp rõ ràng vẫn là nguyên nhân khiến một số học sinh bỏ học giữa chừng, ảnh hưởng đến tương lai của các em và quá trình phát triển bền vững của cộng đồng. Thầy Kiêm, một giáo viên ở Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Yên Lỗ, Bình Gia, Lạng Sơn, chia sẻ: “Do hoàn cảnh gia đình của các em ở vùng nông thôn còn nhiều khó khăn, đường đi lại xa, vất vả nhiều học sinh phải bỏ học. Chính vì vậy, tôi đã cùng các thầy cô dành nhiều thời gian, công sức đến từng nhà để vận động phụ huynh học sinh đến trường học” (7). London cũng đã bàn về việc giáo dục có thể không đáp ứng được nhu cầu thực tế của thị trường lao động địa phương, dẫn đến sự “phản tác dụng” trong việc duy trì học sinh. Về vấn đề này, rõ ràng cần có một định hướng nghề nghiệp rõ ràng để tạo động lực cho học sinh và gia đình tạo điều kiện cho học sinh tới trường.

Lồng ghép văn hóa chưa thực sự sâu sắc: mặc dù có các chính sách lồng ghép văn hóa vào chương trình giáo dục, nhưng việc thực hiện còn mang tính hình thức ở một số nơi, chưa đi sâu vào bản chất và giá trị cốt lõi của văn hóa Tày. Điều này khiến nhiều em cảm thấy xa lạ hoặc chưa thực sự yêu thích. Trương Huyền Chi gợi ý rằng, việc lồng ghép phải đi từ sự thấu hiểu và tôn trọng văn hóa bản địa, chứ không chỉ là đưa vào một cách cơ học.

4. Kiến nghị

Để giáo dục thực sự là cầu nối vững chắc giữa phát triển và bảo tồn bản sắc văn hóa cho học sinh dân tộc Tày tại Bình Gia, cần có những giải pháp đồng bộ và quyết liệt hơn, dựa trên những phân tích nhân học sâu sắc:

Đổi mới phương pháp và nội dung giáo dục dựa trên “vốn văn hóa”: khuyến khích mạnh mẽ hơn nữa việc xây dựng và áp dụng các giáo trình, tài liệu song ngữ, đặc biệt ở bậc tiểu học, phù hợp với Đề án “Tăng cường tiếng Việt”. Tăng cường lồng ghép các giá trị văn hóa Tày (ngôn ngữ, văn học dân gian, nghệ thuật trình diễn, nghề thủ công truyền thống) vào chương trình học một cách có hệ thống và bài bản, không chỉ ở các môn học văn hóa mà còn qua các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ. Việc này cần sự tham gia của các nhà nhân học, ngôn ngữ học để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả, như Trương Huyền Chi đã đề xuất.

Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và vai trò “người đồng hành”: đầu tư đào tạo chuyên sâu cho giáo viên về văn hóa và ngôn ngữ Tày, trang bị kiến thức về nhân học giáo dục để các thầy cô có thể hiểu sâu sắc hơn về tâm lý, phong tục của học sinh dân tộc thiểu số, từ đó có phương pháp giảng dạy phù

hợp và truyền cảm hứng. London (2011) cũng nhấn mạnh vai trò của giáo viên trong việc vượt qua những định kiến và xây dựng cầu nối văn hóa.

Phát huy vai trò của nghệ nhân và cộng đồng trong giáo dục di sản: mời các nghệ nhân, người cao tuổi am hiểu văn hóa Tày tham gia vào quá trình giáo dục, truyền dạy kiến thức, kỹ năng truyền thống trực tiếp tại trường học hoặc trung tâm văn hóa cộng đồng. Tăng cường sự tham gia của phụ huynh trong các hoạt động giáo dục, tạo cầu nối bền chặt giữa nhà trường và gia đình. Đây là cách để duy trì và phát huy di sản văn hóa phi vật thể một cách sống động, đúng như những gì Đỗ Thị Ngọc Quyên đã trải qua, đồng thời còn phù hợp với tinh thần của Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

Đầu tư cơ sở vật chất và môi trường học tập thân thiện, giàu bản sắc: đảm bảo các trường học vùng dân tộc thiểu số có đủ điều kiện vật chất, trang thiết bị hiện đại. Xây dựng môi trường học đường mở, khuyến khích học sinh Tày tự tin thể hiện bản sắc văn hóa của mình thông qua các không gian trưng bày, hoạt động câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật.

Nghiên cứu và đánh giá định kỳ với sự tham gia của cộng đồng: thường xuyên tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu về tác động của chính sách giáo dục đến học sinh dân tộc thiểu số, đặc biệt là về khía cạnh bảo tồn văn hóa, để kịp thời điều chỉnh và hoàn thiện chính sách. Các nghiên cứu này cần có sự tham gia của chính cộng đồng địa phương để nắm bắt được tiếng nói và nguyện vọng của họ.

5. Kết luận

Chính sách giáo dục tại Bình Gia, Lạng Sơn, đã mở ra nhiều cơ hội cho học sinh dân tộc Tày, đặc biệt với những chủ trương đổi mới trong 4-5 năm gần đây. Tuy nhiên, hành trình dung hòa giữa phát triển tri thức và gìn giữ bản sắc văn hóa vẫn còn nhiều gian nan và đòi hỏi sự thấu hiểu sâu sắc từ góc độ nhân học. Bằng cách tập trung vào việc lồng ghép văn hóa một cách có chiều sâu, nâng cao chất lượng giáo dục và phát huy vai trò của cộng đồng và các nghệ nhân, giáo dục sẽ thực sự trở thành chiếc cầu nối vững chắc, giúp thế hệ trẻ Tày không chỉ vững vàng tri thức mà còn tự hào mang trong mình bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc mình (8) ■

N.V.H

1. Nguyễn Ngọc Thanh, *Một số vấn đề về chính sách giáo dục ở vùng cao miền núi phía Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.

(xem tiếp trang 75)

sản phẩm du lịch đêm Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 584, 2024, tr.52-64.

2. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1129/QĐ-TTg, ngày 27-7-2020 phê duyệt “Đề án phát triển kinh tế đêm ở Việt Nam”, 2020.

3. UBND TP.HCM, Chiến lược phát triển du lịch thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, bản dự thảo tháng 7-2023, tr.7-8.

4. Chen, N., Wang, Y., Li, J., Wei, Y., & Yuan, Q., *Examining structural relationships among night tourism experience, lovemarks, brand satisfaction, and brand loyalty on “cultural heritage night” in South Korea (Khảo sát mối quan hệ cấu trúc giữa trải nghiệm du lịch đêm, điểm yêu thích, sự hài lòng về thương hiệu và lòng trung thành với thương hiệu trong “đêm di sản văn hóa” tại Hàn Quốc)*, Sustainability, 2020.

5. Chenli, G., *Research on promoting night tourism and night economic development in Guilin city (Nghiên cứu thúc đẩy du lịch đêm và phát triển kinh tế đêm tại thành phố Quế Lâm)*, E3S Web of Conferences (Vol. 292, p. 02015), EDP Sciences, 2021.

6. Eldridge, A., & Smith, A., *Tourism and the night: Towards a broader understanding of nocturnal city destinations (Du lịch và đêm: Hướng tới sự hiểu biết rộng hơn về các điểm đến thành phố về đêm)*, Journal of Policy Research in Tourism, Leisure and Events, 11(3), 2019, tr.371-379.

7. Huang, W. J., & Wang, P., “All that’s best of dark and bright”: Day and night perceptions of Hong Kong cityscape (“Tất cả những gì tốt đẹp nhất của bóng tối và ánh sáng”:

Nhận thức về cảnh quan thành phố Hồng Kông vào ban ngày và ban đêm), *Tourism Management*, 2018, tr.274-286.

8. Nofre, J., Giordano, E., Eldridge, A., Martins, J. C., & Sequera, J., *Tourism, nightlife and planning: challenges and opportunities for community liveability in La Barceloneta (Du lịch, cuộc sống về đêm và quy hoạch: thách thức và cơ hội cho cộng đồng sinh sống tại La Barceloneta)*, *Tourism Geographies*, 20(3), 2018, tr.377-396.

9. Song, H., Kim, M., & Park, C., *Temporal distribution as a solution for over-tourism in night tourism: The case of Suwon Hwaseong in South Korea (Phân bố thời gian như một giải pháp cho tình trạng quá tải du lịch về đêm: Trường hợp của Suwon Hwaseong ở Hàn Quốc)*, Sustainability, 2020.

10. Su, L., Lian, Q., & Huang, Y., *How do tourists’ attribution of destination social responsibility motives impact trust and intention to visit? The moderating role of destination reputation (Việc khách du lịch gán cho động cơ trách nhiệm xã hội của điểm đến ảnh hưởng như thế nào đến lòng tin và ý định ghé thăm? Vai trò điều tiết của danh tiếng điểm đến)*, *Tourism Management*, 2020.

11. Zhang, B., Luo, M., Du, Q., Yi, Z., Dong, L., Yu, Y., ... & Lin, J., *Spatial distribution and suitability evaluation of nighttime tourism in Kunming utilizing multi-source data (Phân bố không gian và đánh giá tính phù hợp của du lịch đêm tại Côn Minh bằng cách sử dụng dữ liệu đa nguồn)*, Heliyon, 2023.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 5-8-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 16-8-2025; Ngày duyệt bài: 26-8-2025.

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC...

(tiếp theo trang 51)

2. Mai Hòa, Nông Đâm, *Giáo dục và đào tạo Bình Giả - Một năm học khởi sắc*, binhgia.langson.gov.vn, 28-8-2023.

3, 4. Đức Duy Phùng Ánh, *Chung tay cùng trẻ nội trú xây dựng bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số*, giaoducthoidai.vn, 15-7-2025.

5, 6. Đỗ Thị Ngọc Quyên, *Giáo dục cho trẻ dân tộc thiểu số: Bất cập và cần trợ*, tiasang.com.vn, 3-12-2023.

7. Phương Thảo, *Thầy giáo ở Lạng Sơn vượt khó bám bản dạy trẻ nghèo*, giaoducthoidai.vn, 22-4-2025.

8. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài nghiên cứu mã số: CS.2025.13 do TS Nguyễn Vũ Hoàng làm chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

1. Trương Huyền Chi, *Họ nói đồng bào không biết quý sự học: Những mâu thuẫn trong giáo dục ở vùng đa dân tộc, Tây Nguyên Việt Nam, Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học, quyển 3: Toàn cầu hóa, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2019, tr.438-483.*

2. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26-12-2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Jonathan London (chủ biên), *Education in Vietnam (Giáo dục ở Việt Nam)*, Iseas-Yusof Ishak Institute, Singapore, 2011.

4. Quyết định số 1045/QĐ-TTg ngày 10-9-2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030.

5. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14-10-2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 28-7-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 20-8-2025; Ngày duyệt đăng: 30-8-2025.